TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 06-6-2019
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hồng Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kiều- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn Ph, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bà M, ông Ph có mặt; Bà H vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu và ý kiến của các đương sự:

Nguyên đơn bà M: Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2019 bà yêu cầu ông Ph, bà H trả 50.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất 2%/tháng tính từ ngày 28/7/2017 đến ngày 28/02/2019 là 16.000.000 đồng (đã trừ 3.000.000 đồng nhận

trước đó). Tại phiên tòa bà M thay đổi, yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay đến khi xét xử, đồng ý tính lại tiền gốc vay.

Bị đơn ông Ph: Tại bản tự khai ngày 14/3/2019 và biên bản ghi lời khai ngày 01/4/2019, ông Ph thống nhất số nợ gốc 50.000.000 đồng nhưng ông cho rằng đã đưa tiền bà H trả cho bà M xong nên nay không đồng ý trả theo yêu cầu của bà M.

Bị đơn bà H: Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2019, bà H thống nhất số nợ vay 50.000.000 đồng và lãi phát sinh nhưng xin trả dần.

- Về các tình tiết cụ thể của vụ án được các đương sự trình bày trong bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa như sau:

Bà M trình bày: vào ngày 02/4/2017 (ngày 06/3/2017 âm lịch) vợ chồng bà H và ông Ph có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng để trả tiền thuê đất làm ruộng; Hai bên có lập giấy tay do ông Ph, bà H cùng ký tên, thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng, bốn tháng lấy tiền lãi một lần. Ngày 28/7/2017 (ngày 06/6/2017 âm lịch), ông Ph, bà H có trả 4.000.000 đồng tiền lãi và sau đó thì không trả tiền lãi nữa nên tháng 02/2018 (âm lịch) bà yêu cầu ông Ph bà H phải trả hết toàn bộ số tiền gốc và lãi, ông Ph, bà H có hứa ngày 16/8/2018 sẽ trả hết cho bà nhưng không trả mà chỉ trả được 3.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 26/10/2018 (ngày 18/9/2018 âm lịch); Vì vậy bà khởi kiện ông Ph, bà H.

Bị đơn ông Ph trình bày: Vợ chồng ông có vay của bà M số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, 04 tháng trả lãi 01 lần, số tiền vay này sử dụng để làm ruộng, hẹn khi nào có tiền sẽ trả, hai bên có viết biên nhận, ông có ký tên nhưng không nhớ ngày tháng cụ thể; Tháng 02/2018 (âm lịch) bà M có yêu cầu trả nợ nên tháng 5/2018 ông đã bán 04 hecta đất của gia đình và đưa tiền cho bà H đi trả nợ, trong đó có trả cho bà M, vì vậy bà H phải có trách nhiệm trả tiền cho bà M.

Bị đơn bà H trình bày: Bà và ông Ph có vay tiền của bà M số tiền 50.000.000 đồng của bà M, thỏa thuận lãi suất và thời gian trả lãi như bà M trình bày. Tổng cộng bà đã trả cho bà M 7.000.000 đồng tiền lãi, các đợt trả lãi như bà M trình bày. Ông Ph nói đưa tiền cho bà đi trả bà M là không có, số tiền trên đến nay bà vẫn chưa trả cho bà M.

- Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các đương sự đều thống nhất số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, cũng như thống nhất về thời gian và số tiền lãi đã trả nên đây là các sự kiện không cần chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc ông Ph không đồng ý trả số nợ vì cho rằng đã đưa tiền cho bà H đem đi trả nhưng ông không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh và tại biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2019 bà H khai không có sự việc như ông Ph trình bày. Mặt khác, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông và bà H, giấy mượn nợ

có đầy đủ chữ ký của hai vợ chồng ông nên có căn cứ buộc bà H và ông Ph phải liên đới trả nợ cho bà M. Về lãi suất: bà M yêu cầu ông Ph, bà H trả tiền lãi theo quy định pháp luật 1,66%/tháng là phù hợp.

Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Các đương sự đều thống nhất có thỏa thuận về việc vay tài sản 50.000.000 đồng, tại thời điểm vay các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng các bên đều thống nhất tháng 02/2018 (âm lịch) bà M đã yêu cầu trả nợ nhưng ông Ph, bà H không trả nên phát sinh tranh chấp và bà M khởi kiện, vì vậy Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Mặt khác, bị đơn ông Ph, bà H có nơi cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M có đơn yêu cầu không hòa giải; Tại phiên tòa, bà H vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải và tại phiên tòa xét xử vắng mặt bà H là phù hợp Điều 207, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng, ông Ph, bà H trực tiếp nhận tiền và cùng ký tên vào biên nhận nợ, các bên có thỏa thuận lãi suất, đây là các sự kiện không cần chứng minh theo quy định Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Số tiền vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông Ph, bà H và sử dụng để trả tiền thuê mướn đất làm ruộng phục vụ nhu cầu sản xuất của gia đình. Vì vậy, yêu cầu của bà M về việc buộc ông Ph, bà H cùng liên đới trả số tiền vay còn nợ cùng với lãi suất phát sinh là phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với ý kiến của bị đơn về việc xin trả dần số tiền nợ thì không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp với các quy định nêu trên nên không được chấp nhận.

- Ông Ph cho rằng đã đưa tiền cho bà H thì đây là việc riêng giữa ông Ph với bà H; Đồng thời, bà H xác định không có sự việc nêu trên; Hiện tại bà M và bà H đều xác định số tiền nợ là 50.000.000 đồng và đến nay vẫn chưa thanh toán; Ông Ph cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình nên có căn cứ xác định ông Ph, bà H chưa trả bà M 50.000.000 đồng.

- Đây là trường hợp tranh chấp hợp đồng vay có lãi nhưng mức lãi suất các bên thỏa thuận là cao hơn quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh lại cho phù

hợp là 20%/năm theo Điều 468 Bộ luật dân sự; Vì vậy, bà M yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp nên được chấp nhận. Từ ngày 02/4/2017 đến ngày 28/7/2017 bà M đã nhận tiền lãi của ông Ph bà H với mức 2%/tháng số tiền là 4.000.000 đồng thì cần xem xét để điều chỉnh lại cho phù hợp, bà M cũng thống nhất điều chỉnh lại. Tiền lãi được tính lại như sau:

Tiền lãi 02/4/2017 đến ngày 28/7/2017 là: 3 tháng 26 ngày x 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 3.209.000 đồng; Bà M đã nhận 4.000.000 đồng nên số tiền lãi ông Ph, bà H đã trả dư là 791.000 đồng (4.000.000 đồng - 3.209.000 đồng), số tiền dư này sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc chưa thanh toán nên ông Ph bà H còn nợ bà M số tiền gốc là 49.209.000 đồng (50.000.000 đồng – 791.000 đồng).

Tiền lãi từ ngày 29/7/2017 đến ngày trả lãi lần hai 26/10/2018 là: 14 tháng 27 ngày x 49.209.000 đồng x 1,66%/tháng =12.171.000 đồng. Bà H ông Ph đã trả 3.000.000 đồng nên còn nợ lại 9.171.000 đồng.

Lãi từ ngày 27/10/2018 đến ngày 06/6/2019 là: 7 tháng 10 ngày x 49.209.000 đồng x 1,66%/tháng = 5.990.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi phải trả là: 9.171.000 đồng + 5.990.000 đồng = 15.161.000 đồng.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân huyện Vĩnh Hưng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà H và ông Ph phải liên đới trả cho bà M 49.209.000 đồng_vay gốc và 15.161.000 đồng tiền lãi vay.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông Ph và bà H phải liên đới chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 207, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M.

Buộc ông Lâm Văn Ph và bà Nguyễn Thanh H phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền vay gốc còn nợ là 49.209.000 đồng (bốn mươi chín triệu, hai trăm lẻ chín nghìn) đồng và tiền lãi là 15.161.000 đồng (mười lăm triệu, một trăm sáu mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

Về án phí: Ông Lâm Văn Ph, bà Nguyễn Thanh H phải liên đới chịu 3.218.500 (ba triệu, hai trăm mười tám nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho bà M 1.650.000 (một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 01/3/2019 theo biên lai thu tiền số 0004319.

Báo cho bà M, ông Ph biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà H vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu